

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2023
“Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quang Kim Cúc;

2. Ông Nguyễn Phát Triển;

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Vinh Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà C162, đường Trần Khánh D, phường Xuân Kh, quận N, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 32/6, ấp Tân Th, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Q có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Vinh Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Q và anh Phạm Văn B quen nhau và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 04/12/2014. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2021, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đòi

sống chung không hạnh phúc và Chị Q phát hiện anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị Q và anh B không sống chung từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Khoảng thời gian xa nhau, vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:* Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Vinh Q yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Phạm Văn B có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Phạm Văn B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai nhưng anh Phạm Văn B vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Phạm Văn B theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, Chị Q và anh Phạm Văn B được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 04/12/2014 theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Vinh Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ giữa năm 2021, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo lời trình bày của Chị Q là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống chung không hạnh phúc và Chị Q phát hiện anh B có quan hệ tình cảm

với người phụ nữ khác. Vì vậy Chị Q và anh B không sống chung từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Khoảng thời gian xa nhau, vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị Q yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Phạm Văn B về nội dung yêu cầu khởi kiện của Chị Q, các thông báo và triệu tập để hòa giải, giải quyết vụ án nhưng anh B vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của Chị Q, chứng tỏ anh B không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị Q và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Vinh Q.

[2.3] Xét về con chung: Chị Nguyễn Vinh Q xác định trong khoảng thời gian sống chung với anh Phạm Văn B thì vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Vinh Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Vinh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Vinh Q được ly hôn với anh Phạm Văn B.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Vinh Q và anh Phạm Văn B có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Vinh Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Nguyễn Vinh Q chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010615 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Chị Q đã nộp xong án phí).

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/3/2023). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, Sóc Trăng (số 119/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng

